

## Bài 1 : TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

(Hồ Chí Minh)

### I. Giới thiệu chung

#### 1. Tác giả

- Hồ Chí Minh (1890 – 1969) là một tác gia lớn của nền văn học dân tộc Việt Nam. Người viết thành công trên nhiều thể loại văn chính luận, truyện ký, thơ ca và ở thể loại nào cũng có những tác phẩm xuất sắc mẫu mực.

#### 2. Hoàn cảnh sáng tác TNĐL

- “*Tuyên ngôn độc lập*” viết năm 1945, tại số nhà 48 phố Hàng Ngang, ngay sau khi người từ chiến khu Việt Bắc trở về Hà Nội. Bản Tuyên ngôn đã được đọc sáng ngày 02/9/1945, tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, trước toàn thể quốc dân đồng bào để khẳng định với quốc tế và nhân dân trong nước thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, tuyên bố nền độc lập, chủ quyền của nước ta và khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

#### 3. Giá trị của tác phẩm

-> 3 giá trị: lịch sử, nghệ thuật, tư tưởng (xem SGK/trang.....).

### II. Nội dung

\* Đề đạt được những mục đích đặt ra trong bản Tuyên ngôn, Hồ Chí Minh đã xây dựng cấu trúc bản Tuyên ngôn với các vấn đề lớn là:

- Cơ sở pháp lí của bản Tuyên ngôn: quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do của con người, của dân tộc.

- Cơ sở thực tiễn: là bản án chung thẩm kết tội chủ nghĩa Thực dân Pháp; khẳng định vai trò chính trị của nhân dân Việt Nam và mặt trận Việt Minh.

- Cuối cùng là lời tuyên bố độc lập: khẳng định nền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam, quyết tâm giữ vững nền độc lập tự do ấy.

#### 1. Lập luận chứng minh cho cơ sở pháp lý của bản Tuyên ngôn

- Hồ Chí Minh đã đưa ra những cơ sở pháp lý cho bản Tuyên ngôn của nước Việt Nam:

+ Lời văn trong Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ: “*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng...*”

+ Lời văn trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp: “*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi*”

- Hai lời trích dẫn nhấn mạnh vấn đề nhân quyền, vấn đề quyền cá nhân- đó là những chân lý lớn của nhân loại, không ai có thể bác bỏ được. Hơn nữa đây là lời tuyên ngôn của chính hai nước lớn cho nên lời trích có hiệu quả cao: chặn đứng âm mưu tái chiếm nước ta của đối phương bằng cách dùng “*gậy ông đập*

*lưng ông*”, bọn Thực dân và Đế quốc không thể vi phạm, không thể phản bội lời thề của tổ tiên họ, đồng thời cũng khẳng định tư thế đầy tự hào của dân tộc khi đặt ba cuộc Cách mạng, ba bản Tuyên ngôn ngang hàng nhau.

- Từ việc trích tuyên ngôn của nước Mĩ, Bác đã dùng phương pháp suy luận trực tiếp “*suy rộng ra*” để khẳng định dân tộc Việt Nam có quyền hưởng tự do, bình đẳng như tất cả mọi dân tộc khác. Sau lời khẳng định đó, Người trích dẫn thêm bản tuyên ngôn của Pháp để nhấn mạnh, khẳng định dân tộc Việt Nam có đủ tư cách hưởng độc lập, tự do, bình đẳng. Từ những luận cứ như thế sẽ dẫn đến kết luận tất yếu “*Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được*”.

=> *Đoạn mở đầu lập luận chặt chẽ, thể hiện tính chất khéo léo, kiên quyết và đầy sáng tạo.*

## **2. Lập luận chứng minh cho cơ sở thực tiễn của bản Tuyên ngôn**

\* Hồ Chí Minh đã lập luận bác bỏ những luận điệu “*khai hóa*”, “*bảo hộ*” Việt Nam của bọn thực dân Pháp:

- Để bác bỏ luận điệu Pháp có công khai hóa nước Việt Nam, Bác dùng những dẫn chứng trên hai phương diện: chính trị và kinh tế

+ Pháp rêu rao “*khai hóa tự do*” cho Việt Nam nhưng “*lập ra nhà tù nhiều hơn trường học*”

+ Pháp rêu rao “*khai hóa bình đẳng*” cho Việt Nam nhưng “*lập ra ba chế độ khác nhau ở Bắc, Trung, Nam để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết*”.

+ Pháp rêu rao “*khai hóa bác ái*” cho Việt Nam nhưng “*chúng thi hành những luật pháp dã man*”.

- Để bác bỏ luận điệu Pháp có công bảo hộ, Tuyên ngôn dùng sự thật lịch sử để thuyết phục:

+ “*Năm 1940, Nhật đến Đông Dương, thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật*”.

+ Năm 1945, Nhật hất cẳng Pháp “*bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng*”.

+ Khẳng định “*Trong 5 năm Pháp đã bán nước ta hai lần cho Nhật*”.

- Để bác bỏ luận điệu Pháp ủng hộ Đồng minh, Bác đưa ra sự so sánh bằng sự thật lịch sử:

+ Pháp hai lần bán nước ta cho Nhật.

+ Việt Minh kêu gọi Pháp liên minh chống Nhật thì Pháp lại “*thăng tay khủng bố Việt Minh*”.

- Những lập luận về lập trường chính nghĩa của nhân dân ta:

+ Nhân dân ta đã đứng về phe Đồng Minh chống Phát xít.

+ Nhân dân ta đã làm nên cuộc cách mạng dân tộc dân chủ: tiên phong chống Nhật, giành lấy đất nước từ tay Nhật, để lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa “*Pháp chạy. Nhật hàng. Vua Bảo Đại thoái vị*”.

+ Quyền độc lập của dân tộc Việt Nam phù hợp với nguyên tắc dân chủ, bình đẳng của Đảng Minh ở hội nghị Tê- hê- răng và Cựu Kim Sơn.

=> Đoạn này, với sự lập luận chặt chẽ, logic theo quan hệ nhân quả, dẫn chứng xác thực và đầy sức thuyết phục để làm nổi bật cơ sở thực tiễn của bản Tuyên ngôn.

### **3. Lời tuyên ngôn**

- Khẳng định “*Nước Việt Nam có quyền*” và “*Sự thật đã trở thành một nước độc lập*”. Đây là lời khẳng định và là lời tuyên bố công khai.

- Bày tỏ quyết tâm “*Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy*”, thể hiện quyết tâm, kêu gọi đồng bào cả nước chung sức giữ gìn độc lập, tự do vừa giành được.

=> Lời tuyên ngôn với những lời lẽ thuyết phục dựa trên cơ sở pháp lý và thực tiễn của bản Tuyên ngôn.

### **3. Tổng kết**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## Bài 2 : TÂY TIẾN

(Quang Dũng)

### I. Giới thiệu chung

#### 1. Tác giả

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

#### 2. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ Tây Tiến

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

#### 3. Chủ đề

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

### II. Nội dung

#### 1. Khổ 1: Nỗi nhớ của tác giả về con đường hành quân của đoàn quân Tây Tiến.

- Hai câu đầu khái quát nỗi nhớ:

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!*

*Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi.*

+ Đoạn thơ diễn đạt nỗi nhớ của Quang Dũng gắn với sông Mã, với núi rừng Tây Bắc, với những vùng đất lạ, hoang sơ, hùng vĩ và đặc biệt là đoàn quân Tây Tiến trong những cuộc hành quân gian lao mà kiêu dũng.

+ Tác giả phối hợp nhiều thủ pháp nghệ thuật để bày tỏ nỗi nhớ: Bài thơ bắt đầu bằng một lời gọi tha thiết *Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!*. *Sông Mã* chảy qua *Hòa Bình, Sơn La, Thanh Hóa*. Nơi đây lưu giữ nhiều kỉ niệm về đồng đội cũ, được nhắc đến như một cái cớ khơi gợi cảm xúc, như nhịp cầu nối kí ức của Quang Dũng với Tây Tiến.

+ Câu hai là hoài niệm của tâm hồn *Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi*. Điệp từ *nhớ* như hai nốt nhấn khiến câu thơ đong đầy nỗi nhớ cháy bỏng, da diết đến tận lòng. *Nhớ về rừng núi* là nhớ về thiên nhiên Tây Bắc, nhớ con đường hành quân và cũng là nhớ về Tây Tiến. Từ láy *chơi vơi* rất sáng tạo, diễn tả cảm giác bồng

bệnh huyền ảo, lơ lửng. Đường như nổi nhớ xóa nhòa khoảng cách thời gian, không gian, đưa con người đắm vào quá khứ, sống với kỉ niệm. Một nổi nhớ mênh mang, đầy ắp.

+ Điệp vần *oi* trong các tiếng *oi, chơi, vui* tạo âm hưởng mênh mang như kéo dài thêm nổi nhớ tô đậm âm hưởng chủ đạo của toàn bài.

- Nổi nhớ được khắc họa cụ thể: Nhớ thời tiết Tây Bắc khắc nghiệt:

*Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi  
Mường Lát hoa về trong đêm hơi.*

+ Tác giả liệt kê các địa danh *Sài Khao, Mường Lát* không chỉ gợi bao cảm xúc nhớ thương mà còn tạo ấn tượng về sự xa xôi, heo hút, hoang vu, bí ẩn của những vùng đất lạ, chứa đựng nhiều khó khăn, thử thách ý chí của con người.

+ Hình ảnh *Sương lấp* và *đoàn quân mỏi* là những hình ảnh miêu tả hiện thực. Các chiến sĩ hành quân trong sương mù giá lạnh. Sương dày đặc, sương che lấp cả đoàn quân. Chữ *mỏi* nói lên bao gian khó mà người lính phải trải qua.

+ Hình ảnh *hoa về trong đêm hơi* thật đẹp, vừa khắc họa vẻ thơ mộng của núi rừng Tây Bắc vừa gợi nét lạc quan ở những người lính trẻ và chất lãng mạn trong hồn thơ Quang Dũng (so sánh, nhà thơ không nói *hoa nở* mà nói *hoa về* vì có bóng dáng của người mang hoa trong đó; không nói *đêm sương* mà nói *đêm hơi*) giúp ta cảm nhận người lính như đi ở chốn bồng lai tiên cảnh, ở xứ sở thần tiên, ở cõi mộng chứ không phải không gian thực tại

-> hé mở tâm hồn hào hoa, lãng mạn.

-> Ngay từ bốn câu thơ mở đầu, *Quang Dũng* đã tạo được âm điệu thơ sâu lắng. Nhà thơ đã kết hợp hài hòa giữa chất hiện thực và chất lãng mạn, thể hiện một ngòi bút tài hoa, phóng khoáng.

- Nhớ địa hình Tây Bắc hiểm trở:

*Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm  
Heo hút cồn mây súng ngửi trời.  
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống  
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.*

+ Đây là câu thơ miêu tả rất thực con đường hành quân gian khổ của người lính Tây Tiến với núi cao, vực sâu, đèo dốc hiểm trở, cheo leo. Và sánh ngang với núi rừng hùng vĩ là tinh thần quả cảm của người lính.

+ Tác giả phối hợp tài tình các biện pháp nghệ thuật đặc sắc:

*Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm*

+ Điệp từ *dốc* và từ láy *khúc khuỷu, thăm thẳm* diễn tả sự quanh co, hiểm trở của dốc núi, đường lên rất cao và xuống rất sâu. Câu thơ có bảy chữ mà hết năm chữ mang thanh trắc (*dốc, khúc, khuỷu, dốc, thẳm*) tạo âm điệu trúc trắc, vừa gợi con đường ghập ghềnh cheo leo vừa gợi hơi thở gấp gáp của người lính khi vượt dốc:

*Heo hút cồn mây súng ngửi trời*